

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Mùa kết quả kinh doanh - phép thử cho vùng định giá thấp

Lạm phát Mỹ tháng 9
cao hơn dự báo



Chính sách
thúc đẩy kinh tế



Triển vọng
thị trường



Lê Hoàng Phương Nam

nam.lhp@miraeasset.com.vn

Thế giới

- **Xác suất Fed giữ nguyên lãi suất tiếp tục ở mức cao.** Theo CME FedWatch, xác suất Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 10 tăng lên 85% (16/10) từ mức 66,8% (14/10) mặc dù lạm phát vẫn còn cao hơn dự báo. Thực tế, CPI tháng 9 tăng 3,7% YoY trong khi CPI cơ bản giữ ở 2,6%. PPI tăng 6,3% YoY (cao nhất kể từ 12/2022), PPI cơ bản tăng lên 5% một phần do chi phí vận tải.
- **Lãi suất cao trở thành biến số rủi ro với chu kỳ đầu tư AI:** Tỷ trọng nợ vay so với Capex của nhóm hyperscaler lên 32% (từ 9% trong FY24), khiến nhóm này nhạy hơn với mặt bằng lãi suất.
- **Dữ liệu Mỹ cần theo dõi:** 1) Bảng cân đối của Fed; 2) Chỉ số PMI sản xuất.

Việt Nam

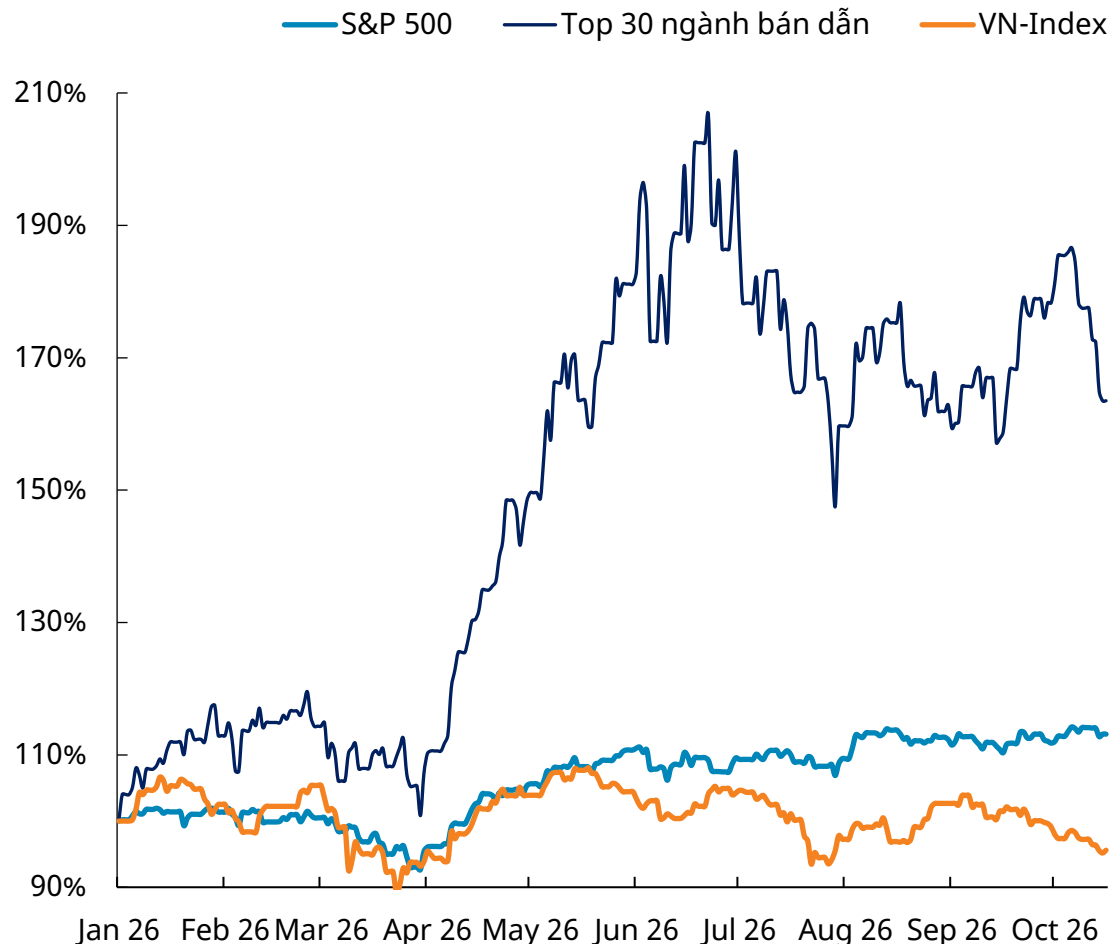
- **Gỡ vướng bất động sản, thúc đẩy nhà ở xã hội:** Tại phiên họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản sau kiện toàn (13/10), Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc yêu cầu tháo gỡ vướng mắc dự án, khơi thông vốn tín dụng và đẩy nhanh tiến độ nhà ở xã hội (9 tháng mới đạt 48% chỉ tiêu năm).
- **Thúc đẩy hợp tác kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ:** Tại Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh Việt Nam - Hoa Kỳ 2026 (14/10), hai bên xác định 5 lĩnh vực ưu tiên, trong đó có công nghệ cao, năng lượng sạch và chuỗi cung ứng, trong bối cảnh kim ngạch thương mại 9 tháng đạt 157,83 tỷ USD (+24,5% YoY).
- **VN-Index: 1705,91 điểm (-1,7% WoW) – Sắc đỏ lan tỏa ở hầu hết các nhóm ngành.** Thanh khoản giảm về dưới mức 12 nghìn tỷ/ngày (-13% WoW), cho thấy tâm lý thị trường còn thận trọng trước các biến số vĩ mô, đặc biệt là sau đợt công bố chỉ số lạm phát của Mỹ.
- **Định giá:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp - dưới ngưỡng trung bình dài hạn 28%. Đây là vùng định giá hấp dẫn thu hút được dòng tiền đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Chúng tôi kỳ vọng VN-Index thiết lập vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1,650 điểm và hồi phục về kháng cự 1,790 điểm trong bối cảnh mùa kết quả kinh doanh quý 3 đi vào giai đoạn cao điểm.
- **Rủi ro bên ngoài:** 1) Chính sách của các NHTU lớn và đồng USD mạnh hơn; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và khơi thông dòng vốn; 3) Triển khai CCP vào quý 1/2027, cải thiện khả năng tiếp cận vốn ngoại trên TTCK và giải pháp thực hiện mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2030

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu duy trì ở mức cao

- Chỉ số S&P 500 giảm 1,95% so với cuối tuần trước, xuống 7659,44 điểm. Chỉ số ngành bán dẫn giảm 11,41% trong tuần trước, giữa bối cảnh lo ngại về chi tiêu cho AI và lãi suất cao hơn tiếp tục gây áp lực bán lên nhóm cổ phiếu công nghệ và bán dẫn.
- Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Mỹ đóng cửa ở mức 5,18% ngày 14/10, sau đó giảm 13 điểm cơ bản xuống 5,05% (15/10) khi đợt bán tháo cổ phiếu toàn cầu đẩy dòng tiền vào trái phiếu. Ngày 16/10, lợi suất 10 năm ở mức 5,08%, cao hơn 1,06 điểm % so với cùng kỳ; kỳ hạn 30 năm ở mức 5,41%. **Một trong những nguyên nhân đến từ chi phí năng lượng tăng do xung đột Trung Đông và kỳ vọng mặt bằng lãi suất duy trì cao lâu hơn.**
- Theo IMF, rủi ro lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng mạnh đang gia tăng khi nợ công toàn cầu tiến gần mức cao nhất kể từ Thế chiến 2 và đang trên đà sớm vượt 100% GDP, **khiến thị trường dễ tổn thương hơn trước các cú sốc tài khóa và lạm phát.** Bên cạnh đó, rủi ro tập trung cũng gia tăng khi nhóm hyperscaler chiếm 10% lượng trái phiếu doanh nghiệp đạt chuẩn đầu tư phát hành toàn cầu. Đồng thời, các quỹ phòng hộ giữ khoảng 9% trái phiếu Kho bạc Mỹ năm 2025, so với 4% năm 2022, phần lớn gắn với giao dịch chênh lệch giá đòn bẩy cao; **nếu các vị thế này bị đóng đồng loạt, tác động lên thị trường có thể bị khuếch đại.**
- Một số dữ liệu của Mỹ cần theo dõi trong tuần này:** 1) Bảng cân đối kế toán của Fed; 2) Chỉ số PMI sản xuất.

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index



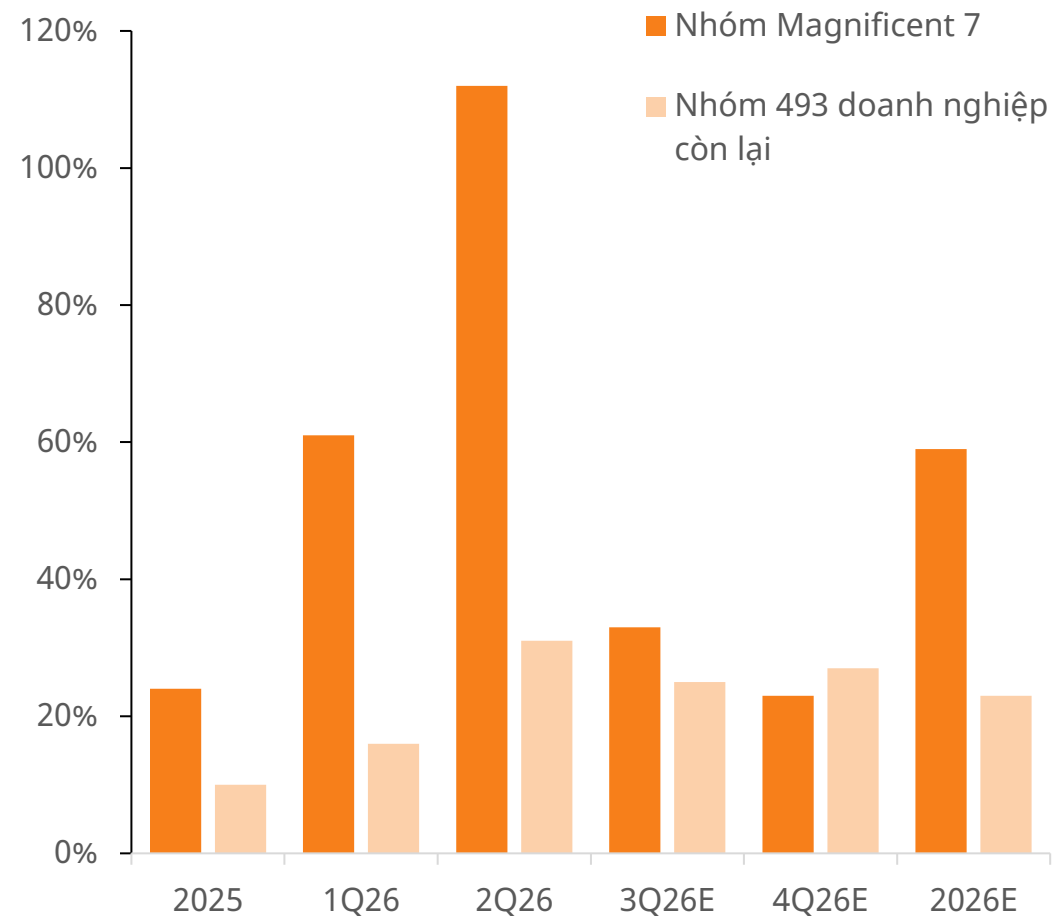
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới ngày 16/10/2026

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Chu kỳ đầu tư AI lan tỏa toàn cầu, song ngày càng phụ thuộc vào vốn vay

- **Tăng trưởng AI duy trì ở mức cao.** Theo SIA (Hiệp hội Công nghiệp Bán dẫn), doanh số chip toàn cầu riêng tháng 8/2026 đạt 159,7 tỷ USD, tăng 144,3% so với cùng kỳ; lũy kế 8 tháng đã vượt 1000 tỷ USD và cả năm 2026 được dự báo trên 1600 tỷ USD. FactSet ghi nhận lợi nhuận nhóm Mag 7 tăng 112% trong 2Q26 so với 31% của 493 công ty còn lại, dự đoán cả năm 2026 lần lượt là 59% và 23%. Đáng chú ý, Capex của các hyperscaler đang kéo lợi nhuận nhiều nhóm hưởng lợi, từ bán dẫn đến xây dựng, và đóng góp khoảng 1/3 đến 1/2 tăng trưởng hiện nay của Mỹ.
- **Xuất khẩu Hàn Quốc và Đài Loan lập kỷ lục nhờ chip và phần cứng AI.** Kim ngạch chip của Hàn Quốc tháng 9 đạt 60,3 tỷ USD (+262,8%), lần đầu vượt 60 tỷ USD/tháng và chiếm gần một nửa tổng giá trị hàng bán ra nước ngoài (120,94 tỷ USD). Đài Loan ghi nhận mức cao nhất lịch sử với 87,22 tỷ USD hàng hóa các loại, chủ yếu nhờ nhu cầu phần cứng AI, trong đó thị trường Mỹ nhảy vọt 106,2%. Theo Reuters, các hãng sản xuất chip nhớ của Hàn Quốc đang hưởng lợi từ giá chip tăng do thiếu hụt nguồn cung.
- **Chi tiêu đầu tư vượt dòng tiền, nguồn vốn dịch chuyển sang nợ.** FactSet ước tính Capex tiền mặt của 5 hyperscaler (Alphabet, Amazon, Meta, Microsoft và Oracle) vượt 690 tỷ USD trong FY26 (tăng hơn 80% so với năm trước), trong khi dòng tiền tự do của 3 trong 5 tập đoàn này gần 0 hoặc âm. Tỷ trọng nợ vay thêm so với Capex đã lên 32% trong 12 tháng đến giữa 2026 (từ 9% của FY24), khiến nhóm này nhạy hơn với lãi suất và khẩu vị của chủ nợ.
- Nhìn chung, nhóm Mag 7 vẫn được kỳ vọng dẫn đầu về lợi nhuận cả năm 2026. **Rủi ro chính là kịch bản “AI air pocket”:** chi tiêu vẫn diễn ra nhưng doanh thu chưa xuất hiện tương xứng. Theo S&P Global Ratings, dòng tiền hoạt động tự do của cả 6 hyperscaler dự kiến âm trong 2026 và 2027, chưa được dự báo phục hồi trước 2029. BIS cũng lưu ý lợi suất của các khoản đầu tư AI vẫn còn bất định.

Tăng trưởng lợi nhuận giữa Magnificent 7 và 493 doanh nghiệp còn lại trong S&P 500

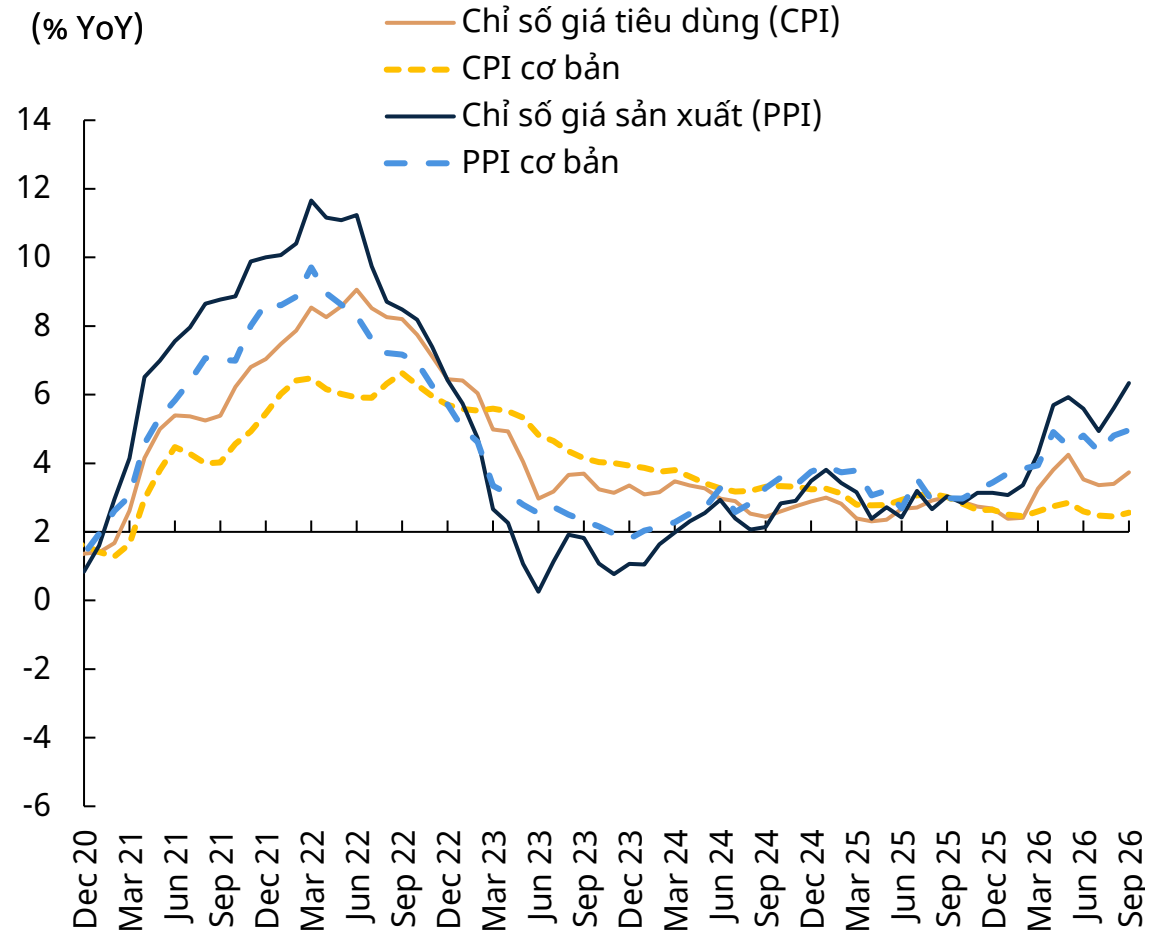


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ FactSet, **cập nhật ngày 5/10**.
Lưu ý: Magnificent 7 là rổ tỷ trọng bằng nhau của 7 cổ phiếu: Alphabet, Amazon, Apple, Meta, Microsoft, Nvidia và Tesla. Hiệu suất trong quá khứ không đảm bảo cho kết quả trong tương lai. Không thể đầu tư trực tiếp vào một chỉ số.

Bối cảnh toàn cầu: Áp lực lạm phát tiếp tục hình thành, dẫn dắt bởi cú sốc năng lượng

- **Lạm phát Mỹ tháng 9 tăng tốc lên 3,7% so với cùng kỳ, từ 3,4% của tháng 7 và tháng 8, cao hơn dự báo 3,6%. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 5, với nguyên nhân chủ yếu là cú sốc năng lượng từ xung đột Trung Đông;** trong đó, giá xăng đóng góp hơn một nửa mức tăng của CPI so với tháng trước. Giá dầu sưởi và vé máy bay cũng tăng mạnh, còn giá dầu diesel, nhiên liệu của chuỗi cung ứng nội địa, đã lập kỷ lục trong tháng 9. CPI cơ bản nhích lên 2,6% và tăng 0,3% so với tháng trước, đều cao hơn dự báo, nhưng vẫn dao động quanh mức 2,4–2,6% trong ba tháng gần đây, **cho thấy năng lượng vẫn là động lực chính của đợt tăng giá này.**
- **PPI Mỹ tăng mạnh, chi phí nhiên liệu bắt đầu lan sang dịch vụ:** PPI tháng 9 tăng 6,3% YoY, cao nhất kể từ 12/2022 và vượt xa dự báo 5,3%. Riêng xăng bán buôn tăng 20,3% MoM, chiếm một nửa mức tăng của giá hàng hóa. PPI cơ bản lên 5,0%, cao hơn dự báo 4,4% và là mức cao nhất kể từ 1/2023. Nhóm vận tải & kho bãi đóng góp 0,78 điểm % vào PPI, tăng từ 0,18 điểm % cùng kỳ. **Nếu xu hướng này tiếp diễn, áp lực lạm phát có thể không chỉ dừng ở cú sốc năng lượng mà còn lan rộng hơn trong những tháng tới.**
- **Xác suất Fed giữ nguyên lãi suất tiếp tục ở mức cao.** Theo CME FedWatch, xác suất Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 10 tăng lên 85% (16/10) từ mức 66,8% (14/10) mặc dù lạm phát vẫn còn cao hơn dự báo. Điều này cho thấy thị trường nhìn nhận Fed cần thêm thời gian đánh giá dữ liệu lạm phát và việc làm sau đợt tăng tháng 9, trong bối cảnh áp lực giá chủ yếu đến từ cú sốc nguồn cung năng lượng. Đây là yếu tố có thể gây khó khăn nếu chỉ thắt chặt tổng cầu qua lãi suất. Tuy vậy, kỳ vọng thắt chặt vẫn còn đang bỏ ngỏ.

Chỉ số lạm phát và PPI của Mỹ



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg cập nhật tới ngày 16/10/2026.

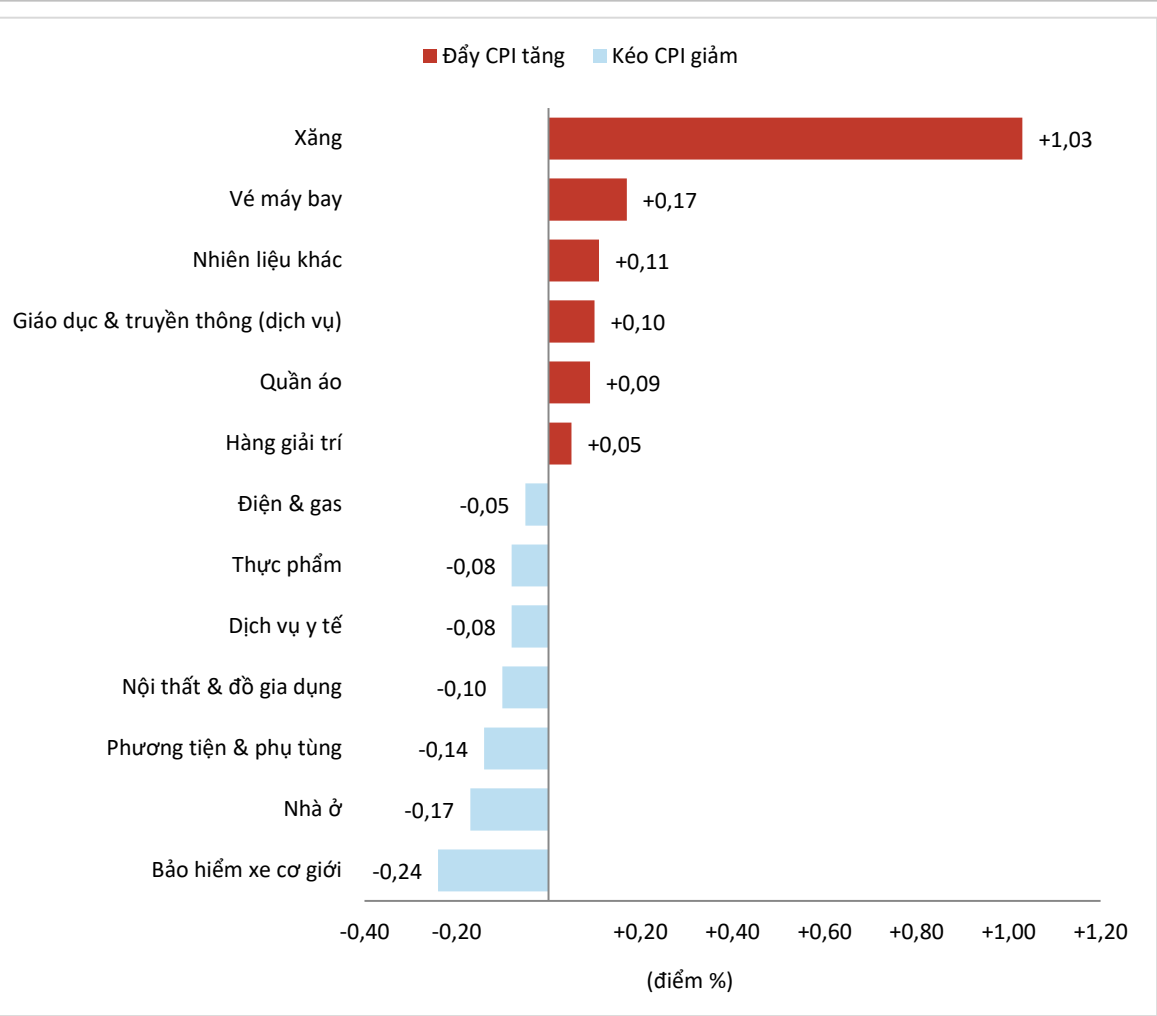
1 Tổng quan (Tiếp theo)

Thành phần lạm phát của Mỹ: giá xăng đóng góp thêm khoảng 1 điểm % vào CPI

Bảng thành phần lạm phát của Mỹ

Thành phần	Tỷ trọng (%)	T9/22	T9/23	T9/24	T9/25	T9/26	Thay đổi so với T9/25 (điểm %)
CPI toàn phần	100,0	8,2	3,7	2,4	3,0	3,7	+0,7
<i>CPI cơ bản - không gồm thực phẩm & năng lượng</i>		6,6	4,1	3,3	3,0	2,6	-0,4
Dịch vụ lõi	60,6	3,86	3,25	2,78	2,13	1,91	-0,22
Nhà ở	35,5	2,15	2,33	1,69	1,31	1,14	-0,17
Dịch vụ y tế	6,8	0,46	-0,18	0,23	0,25	0,17	-0,08
Dịch vụ vận tải	6,2	0,73	0,54	0,51	0,17	0,17	+0,00
Vé máy bay	0,9	0,25	-0,08	0,01	0,02	0,19	+0,17
Bảo hiểm xe cơ giới	2,8	0,16	0,46	0,45	0,10	-0,14	-0,24
Giáo dục & truyền thông	4,9	0,08	0,13	0,11	0,06	0,15	+0,10
Dịch vụ khác (giải trí, cá nhân, nước/rác, vận hành hộ gia đình)	7,2	0,44	0,43	0,24	0,35	0,28	-0,07
Hàng hóa lõi	19,3	1,37	0,01	-0,20	0,29	0,14	-0,14
Phương tiện & phụ tùng (xe mới, xe cũ, phụ tùng)	7,2	0,65	-0,19	-0,17	0,14	-0,01	-0,14
Nội thất & đồ gia dụng	3,4	0,37	0,04	-0,10	0,10	0,01	-0,10
Quần áo	2,5	0,15	0,06	0,05	0,00	0,09	+0,09
Hàng giải trí	1,8	0,08	0,01	-0,03	0,02	0,07	+0,05
Hàng hóa lõi khác (thuốc, hàng cá nhân, rượu bia, thiết bị truyền thông)	4,4	0,12	0,10	0,05	0,03	-0,01	-0,04
Thực phẩm	13,6	1,57	0,51	0,30	0,42	0,34	-0,08
Thực phẩm tại nhà	8,0	1,00	0,21	0,11	0,22	0,15	-0,07
Ăn uống ngoài nhà	5,7	0,53	0,31	0,19	0,20	0,20	-0,01
Năng lượng	6,4	1,45	-0,04	-0,49	0,19	1,31	+1,12
Xăng dầu & nhiên liệu	3,2	0,80	0,10	-0,60	-0,01	1,12	+1,13
Xăng	2,9	0,70	0,12	-0,55	-0,02	1,01	+1,03
Điện & gas	3,2	0,64	-0,12	0,11	0,20	0,15	-0,05

Thành phần đóng góp vào lạm phát (T9/2025 – T9/2026)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg cập nhật tới ngày 16/10/2026.
Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

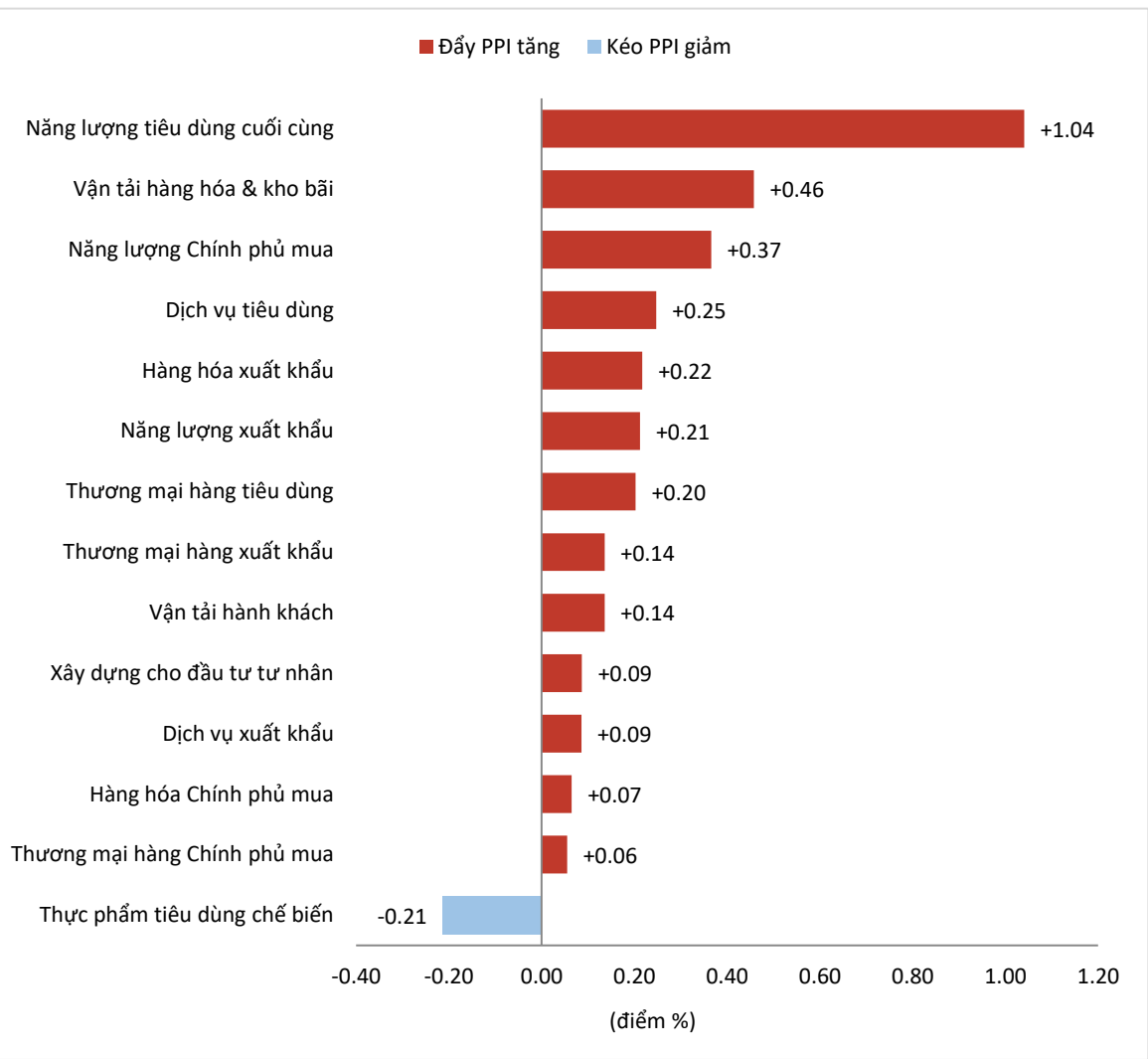
1 Tổng quan (Tiếp theo)

Thành phần PPI của Mỹ: Năng lượng đóng góp mức tăng lớn nhất, áp lực bắt đầu lan sang dịch vụ

Bảng thành phần PPI của Mỹ

Thành phần	Tỷ trọng (%)	T9/22	T9/23	T9/24	T9/25	T9/26	Thay đổi so với T9/25 (điểm %)
PPI toàn phần		8.5	1.8	2.1	3.0	6.3	+3.30
<i>PPI cơ bản - không gồm thực phẩm & năng lượng</i>		<i>7.2</i>	<i>2.3</i>	<i>3.3</i>	<i>3.0</i>	<i>5.0</i>	<i>+2.00</i>
Dịch vụ	68.3	4.35	1.59	2.49	2.07	3.35	+1.28
Dịch vụ cơ bản (trừ thương mại, vận tải & kho bãi)	43.7	1.09	1.79	1.93	1.34	1.65	+0.31
Dịch vụ tiêu dùng	34.1	0.72	1.32	1.47	1.08	1.33	+0.25
Dịch vụ phục vụ đầu tư tư nhân	4.3	0.28	0.13	0.16	0.11	0.07	-0.04
Dịch vụ xuất khẩu	2.7	0.05	0.22	0.17	0.06	0.14	+0.09
Dịch vụ Chính phủ mua	2.6	0.05	0.11	0.12	0.10	0.12	+0.02
Dịch vụ thương mại (biên lợi nhuận phân phối)	19.8	2.53	0.07	0.56	0.55	0.93	+0.38
Thương mại hàng tiêu dùng	13.6	1.58	0.11	0.15	0.41	0.61	+0.20
Thương mại thiết bị vốn tư nhân	3.3	0.56	-0.07	0.21	0.07	0.06	-0.01
Thương mại hàng xuất khẩu	2.0	0.27	0.02	0.14	0.06	0.19	+0.14
Thương mại hàng Chính phủ mua	0.8	0.12	0.01	0.06	0.02	0.07	+0.06
Vận tải & kho bãi	4.9	0.78	-0.26	0.01	0.18	0.78	+0.60
Vận tải hàng hóa & kho bãi	3.7	0.50	-0.24	0.00	0.12	0.58	+0.46
Vận tải hành khách	1.2	0.29	-0.03	0.01	0.06	0.20	+0.14
Hàng hóa cơ bản (trừ thực phẩm & năng lượng)	18.5	1.60	0.39	0.39	0.56	0.95	+0.39
Hàng tiêu dùng không bền	3.5	0.34	0.14	0.10	0.09	0.14	+0.04
Hàng tiêu dùng bền	2.2	0.17	0.05	0.03	0.06	0.08	+0.02
Thiết bị vốn tư nhân	5.3	0.51	0.19	0.14	0.17	0.21	+0.05
Hàng hóa xuất khẩu	5.5	0.38	0.00	0.08	0.19	0.41	+0.22
Hàng hóa Chính phủ mua	2.0	0.20	0.03	0.04	0.05	0.12	+0.07
Thực phẩm	5.5	0.69	-0.10	0.16	0.21	0.00	-0.21
Thực phẩm tiêu dùng chế biến	3.9	0.39	0.08	0.12	0.18	-0.03	-0.21
Thực phẩm tiêu dùng thô	0.4	0.17	-0.15	0.09	-0.05	-0.01	+0.04
Thực phẩm xuất khẩu	0.8	0.12	-0.09	-0.05	0.04	0.05	+0.01
Thực phẩm Chính phủ mua	0.4	0.03	0.01	0.02	0.03	-0.01	-0.04
Năng lượng	5.1	1.44	-0.08	-0.77	0.18	1.79	+1.62
Năng lượng tiêu dùng cuối cùng	4.0	0.89	0.09	-0.53	0.14	1.18	+1.04
Năng lượng Chính phủ mua	0.7	0.36	-0.09	-0.17	0.03	0.40	+0.37
Năng lượng xuất khẩu	0.3	0.19	-0.07	-0.08	0.00	0.21	+0.21
Xây dựng	2.6	0.40	0.10	0.03	0.02	0.14	+0.12
Xây dựng cho đầu tư tư nhân	1.8	0.29	0.07	0.02	0.01	0.10	+0.09
Xây dựng cho Chính phủ	0.8	0.11	0.03	0.02	0.01	0.04	+0.03

Thành phần đóng góp vào PPI (T9/2025 – T9/2026)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg cập nhật tới ngày 16/10/2026.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Fed có thể chờ thêm dữ liệu trước khi hành động

- Fed đứng trước bài toán đánh đổi giữa kiềm chế lạm phát và bảo vệ sức cầu. Lạm phát đã nằm trên mục tiêu 2% trong thời gian dài và chi phí năng lượng bắt đầu lan sang khâu sản xuất. Đồng thời, nền tảng trưởng vẫn vững nhờ làn sóng đầu tư AI bù đắp một phần tác động từ giá năng lượng tăng mạnh, đủ sức hấp thụ thêm một đợt tăng lãi suất, tạo cơ sở để Fed tiếp tục thắt chặt. **Ngược lại, sức mua của hộ gia đình đang bị bào mòn:** mức lương chỉ tăng 3%, thấp hơn lạm phát 3,7%; bán lẻ lõi chỉ nhích 0,1% MoM; doanh số nhà xuống mức thấp nhất năm khi lãi vay mua nhà ở mức cao cùng áp lực thể chấp.
- Chúng tôi cho rằng Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong tháng 10 và tăng 25 điểm cơ bản vào tháng 12, phù hợp với việc thị trường định giá khoảng 85% khả năng giữ nguyên lãi suất trong tháng 10. Việc tăng lãi suất sớm sẽ gây thêm áp lực lên sức cầu vốn đã chậm lại, trong khi giá năng lượng, nguồn gốc của đợt lạm phát này, không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ mặt bằng lãi suất cao.
- **Tuy vậy, việc thắt chặt không bị loại bỏ.** Nếu trì hoãn quá lâu, chi phí năng lượng và đầu vào có thể dần chuyển vào giá tiêu dùng, khiến lạm phát lan rộng và khó kiểm soát hơn. Kỳ họp tháng 12 cũng là thời điểm phù hợp hơn, khi Fed đã có thêm PCE tháng 9 và GDP quý 3, vốn chỉ công bố sau cuộc họp tháng 10, cùng bộ dự phóng kinh tế mới.

Chính sách của Fed: Cơ sở giữ nguyên so với tăng lãi suất

Thu nhập tăng chậm hơn lạm phát

Lạm phát có xu hướng lan rộng

Thị trường việc làm suy yếu

Lạm phát cao hơn mục tiêu trong thời gian dài

Tiêu dùng bị ảnh hưởng do lạm phát

Rủi ro lạm phát năng lượng, thuế quan

Thị trường nhà ở suy giảm

Tăng trưởng kinh tế vững chắc

Cơ sở giữ nguyên lãi suất

Cơ sở tăng lãi suất

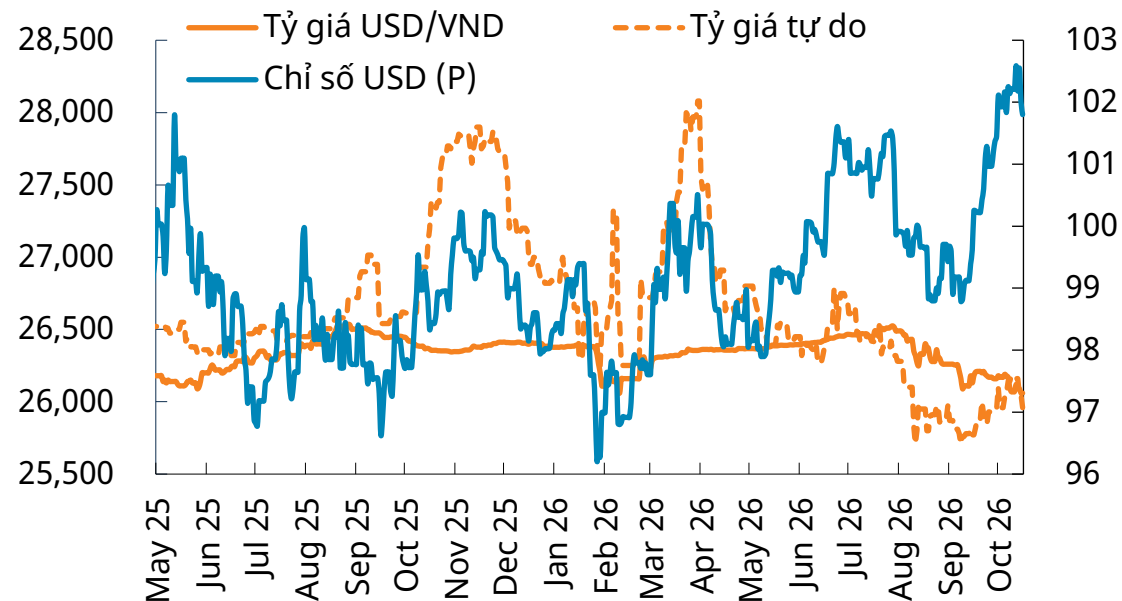


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.

Áp lực tỷ giá có dấu hiệu hạ nhiệt trong tuần

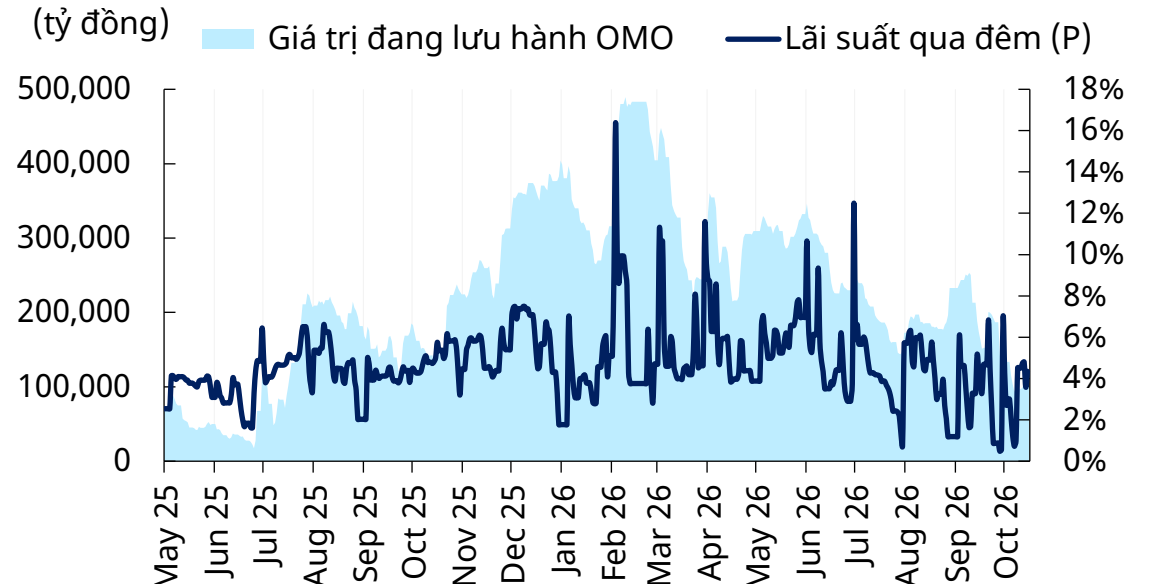
- **DXY giảm nhẹ 0,4% WoW xuống 101,78**, rời đỉnh 18 tháng (khoảng 102,6 điểm ngày 12/10) dù CPI Mỹ vượt dự báo, khi thị trường chờ phát biểu của Chủ tịch Fed để tìm thêm tín hiệu về lộ trình lãi suất.
- **Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,04% WoW**. Cụ thể, tỷ giá bán VCB ngày 16/10 là 26.060 (-0,04% WoW, -1,2% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.960 (-0,84% WoW; -3,2% YTD).
- Tuần qua, NHNN bơm 17,2 nghìn tỷ đồng qua OMO (kỳ hạn 7-91 ngày) tại mức lãi suất 4,5%; theo đó, **giá trị đang lưu hành tăng 8,1 nghìn tỷ đồng**.
- **Lãi suất qua đêm giảm xuống 3,58% ngày 14/10 rồi tăng về lại 4,35% ngày 15/10 (+336bps WoW)**.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



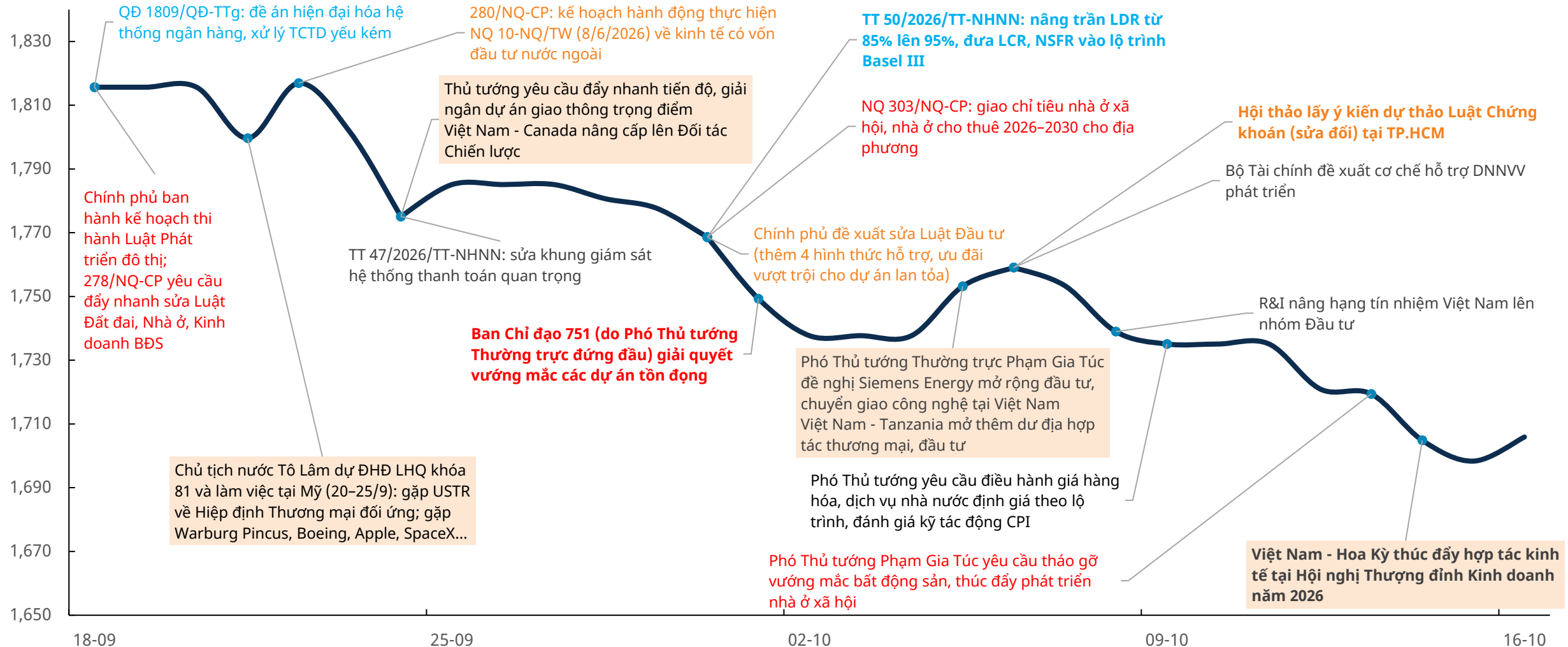
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg và FiinPro, **cập nhật tới 16/10/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro và NHNN, **cập nhật tới 16/10/2026**

Chính phủ tiếp tục tháo gỡ vướng mắc bất động sản, thúc đẩy nhà ở xã hội; Việt Nam - Hoa Kỳ đẩy mạnh hợp tác kinh tế tại Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh 2026



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 14/10/2026**

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Tín dụng tăng nhanh hơn huy động, dòng vốn tập trung vào sản xuất và hạ tầng

- **Tín dụng tăng nhanh hơn huy động, áp lực lãi suất duy trì ở mức cao:** đến cuối tháng 8, dư nợ nền kinh tế đạt 20,49 triệu tỷ đồng (+10,19% so với cuối 2025), cao hơn huy động 2,7 triệu tỷ đồng. Đến 30/9, tín dụng ước tính tăng 11,59% YTD, cao hơn huy động 2,6 triệu tỷ đồng. Như vậy, chênh lệch tín dụng và huy động đã có xu hướng thu hẹp dần trong tháng 8 và 9 (cho thấy xu hướng tích cực hơn). Tuy nhiên, nhìn chung, triển vọng lãi suất khó giảm trong ngắn hạn do nhu cầu vốn trung, dài hạn vẫn lớn.
- **Tín dụng BĐS tăng chậm hơn tín dụng chung:** đến cuối tháng 8, dư nợ BĐS đạt 5,21 triệu tỷ đồng (+9,49% YTD), thấp hơn mức tăng chung 0,70 điểm %, phản ánh hạn mức tín dụng BĐS được kiểm soát chặt. Dư nợ BĐS hiện chiếm 25,43% tổng dư nợ nền kinh tế.
- **Tín dụng các ngành sản xuất và hạ tầng tăng nhanh hơn mức chung:** công nghiệp & xây dựng chiếm 23,81% dư nợ và tăng 12,05% YTD, trong đó xây dựng tăng 13,95% YTD; Vận tải & viễn thông tăng 17,50% YTD; Thương mại chỉ tăng 3,53% YTD. Diễn biến này phù hợp với nhu cầu tín dụng cao cho các dự án trọng điểm trong nước.

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG	TÍN DỤNG ĐẾN 31/8/2026	CHÊNH LỆCH TÍN DỤNG HUY ĐỘNG	TÍN DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN	DƯ NỢ BĐS ĐẾN 31/8/2026	TỶ TRỌNG TRONG TỔNG DƯ NỢ
Triển vọng lãi suất khó giảm trong ngắn hạn	20,5 triệu tỷ đồng	> 2,7 triệu tỷ đồng	Tăng trưởng chọn lọc, hạn chế đầu cơ	5,21 triệu tỷ đồng	25,43%
Nhu cầu tín dụng cao cho các dự án trọng điểm trong nước	+10,19% so với cuối 2025	Thu hẹp so với cuối tháng 7	Nhóm ưu tiên: nhà ở xã hội, khu công nghiệp, các dự án trọng điểm	+9,49% so với cuối 2025	Khoảng 1/4 tổng dư nợ

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ NHNN.

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Chính sách bất động sản tiếp tục ưu tiên gỡ vướng pháp lý, khơi thông tín dụng và đẩy nhanh NOXH

Giá nhà vượt khả năng chi trả của đa số người dân, tồn kho có xu hướng tăng và tiếp cận tín dụng còn khó khăn. Trong bối cảnh đó, Ban Chỉ đạo yêu cầu gỡ vướng pháp lý, xử lý tồn kho, khơi thông vốn và đẩy nhanh nhà ở xã hội.

Chỉ đạo	Khó khăn chính	Mục tiêu
Cơ chế điều hành: “một việc chỉ giao một cơ quan, một tổ chức”; bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp chỉ đạo dự án tồn đọng	Nhiều dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài, chủ yếu về pháp lý, đất đai, tài chính	Sớm giải quyết để khơi thông nguồn lực xã hội
Bộ Xây dựng rà soát đầy đủ lượng bất động sản tồn kho	Tồn kho quý III khoảng 51,950 căn, lô, nền và có xu hướng tăng; thanh khoản thấp	Có giải pháp xử lý phù hợp
Tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn tín dụng, nhất là tín dụng chính sách phục vụ phát triển nhà ở	Giải ngân gói theo Nghị quyết 33 mới khoảng 17,500 tỷ đồng trên khoảng 50,300 tỷ đồng cam kết; vốn huy động ngắn hạn, đầu tư bất động sản dài hạn	Đa dạng hóa kênh huy động, tạo nguồn vốn trung và dài hạn bền vững
Thúc đẩy nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê	Nhà ở xã hội 9 tháng mới hoàn thành 46,962 căn, đạt khoảng 48% chỉ tiêu 2026 (hơn 97,000 căn)	Đáp ứng nhu cầu an cư; Bộ Xây dựng dự kiến nhà ở cho thuê cả năm đạt 18,049 căn (105% kế hoạch)
Hoàn thiện thể chế: sửa đổi quy định về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản; tiếp thu ý kiến hiệp hội, doanh nghiệp	Những vướng mắc hiện nay trong quy định	Tạo điều kiện thuận lợi triển khai dự án mới

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Hợp tác kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ đi vào chiều sâu, trọng tâm là công nghệ cao và chuỗi cung ứng

- **Thương mại tăng nhanh, vốn đầu tư từ Mỹ còn nhiều dư địa:** Kim ngạch thương mại hai chiều 9 tháng đạt 157,83 tỷ USD (+24,5% YoY), sau khi tăng từ khoảng 450 triệu USD (1995) lên khoảng 209,5 tỷ USD (2025). Tuy nhiên, Hoa Kỳ mới đứng thứ 11 trong số các nhà đầu tư FDI vào Việt Nam, chưa tương xứng với quy mô thương mại. Hai bên đang đàm phán Hiệp định Thương mại đối ứng nhằm tạo khuôn khổ ổn định, minh bạch và có tính dự báo.
- **Bán dẫn là trọng tâm trong 5 lĩnh vực ưu tiên:** Tại Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh Việt Nam – Hoa Kỳ 2026 (14/10), hai bên xác định 5 lĩnh vực ưu tiên: 1) Công nghệ cao (bán dẫn, AI, dữ liệu); 2) Năng lượng sạch và chuyển đổi xanh; 3) Chuỗi cung ứng bền vững; 4) Tài chính, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; 5) Giáo dục và nhân lực chất lượng cao. Việt Nam đề nghị doanh nghiệp Mỹ mở rộng đầu tư vào công nghệ lõi, trong bối cảnh chu kỳ đầu tư AI đẩy doanh số chip toàn cầu tháng 8 tăng 144,3% YoY (SIA).
- **Nền tảng vĩ mô củng cố sức hấp dẫn, nhưng giải ngân FDI còn chậm hơn đăng ký:** Trong 9 tháng 2026, GDP tăng 9,01%, cao nhất trong 15 năm. FDI đăng ký đạt 50,36 tỷ USD (+76,4% YoY), trong khi FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD (+12,1% YoY). Khoảng cách giữa hai mức tăng cho thấy phần lớn cam kết mới chưa đi vào giải ngân. Điều này phù hợp với định hướng chuyển thu hút FDI từ quy mô vốn sang chất lượng, công nghệ và giá trị gia tăng.
- **Tiếp cận thị trường và chi phí tuân thủ là vướng mắc chính:** Việt Nam đề nghị Hoa Kỳ đảm bảo hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường ổn định, đồng thời đánh giá khách quan, cân bằng trong các cuộc điều tra theo Mục 301. Các tổ chức doanh nghiệp (VCCI, AmCham) kỳ vọng giảm chi phí liên quan đến quy định pháp lý, logistics, hải quan và bất định về nguồn điện.

VN-Index: 1705,91 (-1,7% WoW) – Áp lực bán ròng từ khối ngoại

- **VN-Index: 1705,91 điểm (-1,7% WoW)** – Sắc đỏ lan tỏa ở hầu hết các nhóm ngành. Đáng chú ý, cổ phiếu nhóm Vingroup ghi nhận điều chỉnh mạnh (VIC: -4,7% WoW, VHM: -7,6% WoW, VPL: -2,2% WoW, VRE: -1,3% WoW). Đà giảm không tập trung ở nhóm ngành vốn hóa lớn mà lan rộng sang cả nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, cho thấy tâm lý thận trọng đang bao trùm toàn thị trường thay vì chỉ là áp lực cục bộ từ một vài cổ phiếu trụ.
 - **Chứng khoán:** Các cổ phiếu chứng khoán ghi nhận sự phục hồi trong tuần qua sau thời gian giảm dài nhờ kỳ vọng vận hành CCP vào quý 1 năm sau.
 - **Nguyên vật liệu:** nổi bật với cổ phiếu HPG (+4% WoW), triển vọng của ngành thép được kỳ vọng hỗ trợ nhu cầu trong nước, đặc biệt từ xây dựng, đầu tư công và các dự án hạ tầng quy mô lớn.
- **Thanh khoản tiếp tục sụt giảm xuống dưới mức 12 nghìn tỷ/ngày (-13% WoW), phản ánh tâm lý thị trường vẫn còn thận trọng trước các biến số vĩ mô,** đặc biệt là đợt công bố chỉ số lạm phát cao hơn dự báo trước thêm cuộc họp lãi suất của Fed trong tháng 10.
- Dòng tiền tích cực tiếp tục chảy vào nhóm ngành **Bảo hiểm**.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa		Thanh khoản		
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8,192	100%	-2%	8%	-13%
Bất động sản	2,663	33%	-5%	15%	-13%
Ngân hàng	2,544	31%	1%	31%	-1%
Tiêu dùng thiết yếu	597	7%	-1%	15%	-30%
Dịch vụ tài chính	451	6%	2%	8%	-16%
Nguyên vật liệu	428	5%	0%	23%	-5%
Tiện ích	321	4%	-4%	23%	7%
Tiêu dùng không thiết yếu	285	3%	-3%	8%	-47%
Vận tải	272	3%	0%	8%	-23%
Xây dựng cơ bản	243	3%	0%	8%	-7%
Dầu khí	222	3%	-8%	54%	-10%
CNTT	116	1%	0%	38%	-18%
Bảo hiểm	65	1%	-5%	69%	-19%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **16/10/2026**.

Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

Một số doanh nghiệp công bố tình hình kinh doanh tích cực trong quý 3/2026

Bất động sản

- **KBC:** Doanh thu thuần quý 3 đạt 3,187 tỷ đồng (+137% YoY), chủ yếu nhờ tăng ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh khu công nghiệp; LNST đạt 937 tỷ đồng (gấp 3 lần YoY). Trong 9 tháng, LNST đạt 1,197 tỷ đồng (khoảng 40% kế hoạch năm).

Tiện ích

- **GAS:** Doanh thu hợp nhất đạt trên 120,900 tỷ đồng (+130% YoY), bằng 113% kế hoạch quản trị. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt trên 16.600 tỷ đồng (+131% YoY), tương ứng 155% kế hoạch quản trị.
- **POW:** Lợi nhuận trước thuế 9 tháng toàn tổng công ty ước đạt khoảng 5,460 tỷ đồng, công ty mẹ ước khoảng 4,340 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch cả năm 2026 (1,328 tỷ đồng). Doanh thu ước đạt 46,161 tỷ đồng (+77% YoY, vượt 26% kế hoạch 9 tháng), được hỗ trợ bởi giá nhiên liệu và các khoản thu hồi chênh lệch tỷ giá, giá khí của giai đoạn trước.

Ngân hàng

- **NAB:** Lợi nhuận trước thuế quý 3 ước đạt hơn 1,540 tỷ đồng. Trong 9 tháng, LNTT đạt hơn 4,700 tỷ đồng (+25% YoY; 75,8% kế hoạch năm), nhờ tín dụng tăng 11% so với cuối năm 2025.
- **SHB:** Lợi nhuận trước thuế 9 tháng ước đạt khoảng 14,300 tỷ đồng (+17% YoY; 81% kế hoạch năm). Dư nợ tín dụng đạt 680,000 tỷ đồng, tăng 9,52% so với đầu năm; nợ xấu duy trì dưới 2%.
- **VBB:** Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ 9 tháng tạm tính đạt 1,297 tỷ đồng (+50% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng đạt 120,196 tỷ đồng, tăng 10,8% so với đầu năm.

Một số doanh nghiệp công bố tình hình kinh doanh tích cực trong quý 3/2026

Dịch vụ tài chính

- **MBS:** Tính chung 9 tháng đầu năm, MBS ghi nhận doanh thu hoạt động hơn 3,668 tỷ đồng, tăng khoảng 40% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt gần 1,140 tỷ đồng, tăng 11%; lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 908 tỷ đồng, tăng 10%.

Tiêu dùng không thiết yếu

- **MWG:** Tổng doanh thu đạt 147,953 tỷ đồng trong 9 tháng, tăng 30% YoY và hoàn thành 80% chỉ tiêu doanh thu cả năm 2026 (185,000 tỷ đồng). Trong đó, đóng góp chính vẫn là chuỗi bán lẻ điện máy, công nghệ với đầu mối là công ty thành viên CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh.

Xây dựng cơ bản

- **CTR:** Doanh thu 9 tháng đạt gần 12,343 tỷ đồng (+23% YoY), lợi nhuận trước thuế khoảng 617 tỷ đồng (+13% YoY), hoàn thành khoảng 79% kế hoạch năm, nhờ mảng xây dựng và giải pháp – dịch vụ kỹ thuật.

Nguyên vật liệu

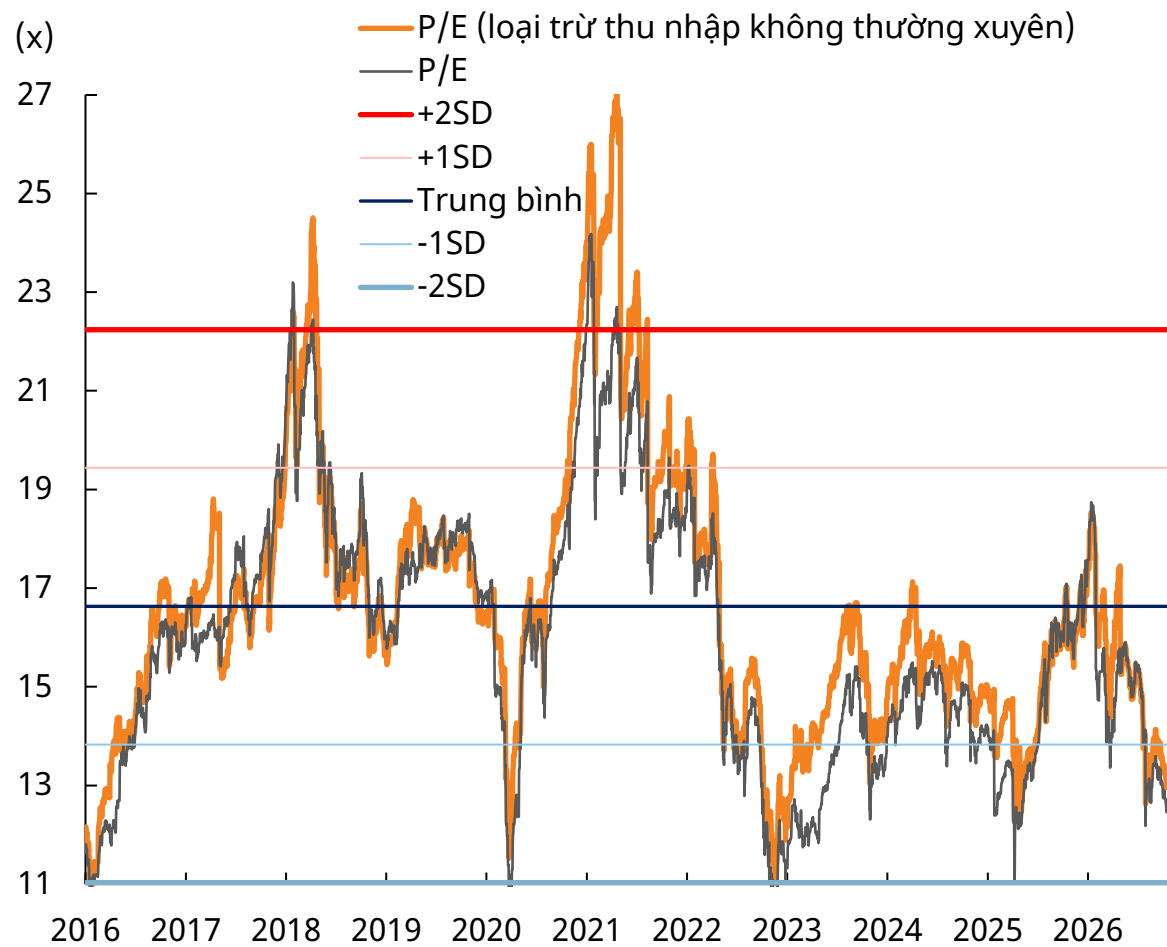
- **GVR:** Ghi nhận doanh thu 9 tháng đầu năm ước đạt 29,428 tỷ đồng, tăng 29% YoY và hoàn thành 87% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế ước đạt 6,818 tỷ đồng, tăng gần 10% YoY và thực hiện gần 99% mục tiêu cả năm.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Kiểm định lực cầu tại vùng định giá thấp

- **Định giá hấp dẫn nhưng chưa đủ để đảo chiều xu hướng:** VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp hơn 28% so với trung bình dài hạn. Yếu tố xúc tác chính trong ngắn hạn là kết quả kinh doanh quý III. Ở chiều ngược lại, áp lực bán ròng của khối ngoại vẫn là lực cản.
- Chúng tôi kỳ vọng VN-Index thiết lập vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1,650 điểm và hồi phục về kháng cự 1,790 điểm trong bối cảnh mùa kết quả kinh doanh quý 3 đi vào giai đoạn cao điểm.
- **Những yếu tố cần theo dõi:**
 - 1) **Rủi ro bên ngoài:** Chính sách của các NHTƯ lớn và đồng USD mạnh hơn
 - 2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và khơi thông dòng vốn**
 - 3) **Triển khai CCP vào quý 1/2027, cải thiện khả năng tiếp cận vốn ngoại trên TTCK và giải pháp thực hiện mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2030**

VN-Index trong khung định giá P/E 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới **16/10/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa	Free-float	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
		(tỷ đồng)	(%)	Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		8,192,477	46.7	1,705.91	1,816.26	1,696.71	0.4	-1.7	-5.8	-5.4	13.0	1.9	16.1	13.0	30.8
VN30 Index		6,212,674	45.2	1,855.41	1,968.43	1,840.31	0.6	-1.0	-5.1	-4.4	11.0	1.9	18.1	15.8	23.0
VN100 Index		7,484,327	47.5	1,751.58	1,851.79	1,738.79	0.6	-0.9	-5.2	-6.0	10.7	1.6	15.6	14.1	29.2
Bất động sản	VIC	1,668,870	30	215,000	243,800	214,500	-1.4	-4.7	-10.9	-3.6	76.8	9.6	12.6	3.1	45.0
	VHM	501,104	30	61,000	72,000	59,300	3.6	-7.6	-14.1	-14.6	6.3	1.9	33.1	6.4	43.7
	VPL	141,671	15	79,000	85,400	76,400	2.6	-2.2	-6.2	-3.5	47.3	3.3	7.5	6.6	42.4
	VRE	51,922	40	22,850	26,000	22,650	1.1	-1.3	-10.4	-8.8	7.2	1.1	15.5	11.0	38.0
	BCM	39,899	4	38,550	41,400	38,300	0.8	0.7	-4.6	-12.6	21.1	1.8	8.9	0.4	33.7
	NVL	34,109	55	10,650	12,161	10,650	-0.5	-2.7	-12.4	-15.2	5.8	0.5	9.6	3.8	45.2
	KBC	24,391	65	25,900	26,300	25,650	0.6	1.6	-0.4	-8.8	13.9	0.9	7.0	6.1	42.9
	KDH	17,467	65	14,150	14,300	13,650	3.7	5.6	1.7	-18.1	10.7	0.9	9.0	10.3	38.7
	SJS	16,986	80	57,100	57,400	56,000	6.3	11.5	0.5	19.0	10.5	3.5	39.9	23.6	26.4
	VPI	16,934	50	48,100	62,100	47,950	-2.6	-13.3	-22.4	-14.5	42.1	3.1	7.7	0.6	49.4
	DXG	12,871	80	10,150	10,700	10,000	-1.0	4.1	-3.8	-16.8	64.1	0.9	1.4	15.6	34.4
	SIP	11,694	45	48,300	48,800	48,000	0.4	-2.2	-0.2	0.5	8.6	2.4	26.9	2.2	46.8
	TCH	11,237	60	11,200	11,600	11,100	0.9	4.2	-0.9	-10.7	37.6	1.0	2.9	9.9	39.1
	PDR	11,175	60	11,200	11,550	11,150	-0.9	-0.9	-3.0	-17.6	18.1	0.9	4.8	9.7	41.3
	TAL	10,912	30	21,650	22,700	21,600	0.0	-2.9	-3.8	0.5	12.0	1.9	19.4	7.0	43.0
	NLG	10,432	80	21,500	24,000	21,400	0.5	-1.8	-9.3	-13.3	17.4	0.8	5.3	35.6	14.4
	DIG	8,045	95	9,530	10,000	9,530	-0.7	1.4	-4.6	-18.9	10.4	0.8	8.4	2.5	46.5
	HDG	6,104	60	15,000	16,300	14,900	1.4	2.7	-6.5	-18.0	6.5	0.9	14.2	15.8	34.3
	KOS	1,563	40	7,220	32,950	7,220	-7.0	-30.2	-78.1	-80.1	57.0	0.7	1.2	0.1	48.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 16/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	475,438	11	56,900	60,300	56,600	0.7	0.4	-4.0	-4.2	11.4	1.9	18.0	19.9	10.1
	BID	264,072	6	33,950	36,950	33,450	2.3	0.1	-6.6	-7.7	8.0	1.4	16.5	17.4	12.6
	VPB	245,000	55	24,500	24,500	21,660	0.2	2.9	11.9	18.8	8.2	1.4	18.3	20.3	2.3
	CTG	237,669	15	30,600	30,850	29,900	2.7	3.7	-0.8	-5.3	5.9	1.2	22.2	24.5	5.6
	TCB	235,263	55	33,200	33,200	31,900	0.9	2.6	2.3	4.1	8.7	1.3	16.1	22.2	7.8
	MBB	199,865	50	19,850	20,300	19,800	-0.3	4.2	-2.2	-0.7	6.4	1.3	22.1	22.3	0.9
	HDB	148,356	80	22,800	22,850	20,615	0.0	1.8	9.4	9.2	7.4	1.7	25.8	10.7	19.3
	ACB	119,571	85	20,600	22,600	20,550	0.0	2.2	-8.8	-13.3	7.6	1.2	16.7	19.4	7.6
	STB	118,392	95	62,800	76,900	62,600	0.0	-6.7	-17.2	-12.5	19.3	1.9	5.0	1.5	3.5
	LPB	113,517	90	38,000	47,750	37,300	2.2	-6.6	-18.4	-26.9	10.1	2.6	27.0	23.2	6.8
	SHB	56,910	75	10,650	11,550	10,550	2.4	6.5	-7.4	-16.1	4.1	0.7	17.5	0.9	29.1
	MSB	55,411	70	14,800	14,950	12,750	1.0	1.4	15.2	8.6	9.4	1.2	13.9	4.3	25.7
	SSB	55,375	55	16,150	22,350	15,900	1.6	-3.9	-27.7	0.9	19.1	1.3	7.1	6.7	23.3
	VIB	51,624	55	13,850	14,000	13,400	0.4	1.5	2.2	-1.8	7.0	1.1	16.2	3.8	1.2
	TPB	38,282	55	12,000	12,391	11,750	2.1	4.8	-1.4	-10.4	5.1	0.8	18.0	21.7	8.3
	OCB	30,778	30	10,050	10,400	10,000	0.5	0.9	-2.4	-6.9	6.9	0.9	12.9	19.1	2.9
	EIB	30,455	80	16,350	16,550	16,050	-0.6	1.6	1.9	-14.2	61.9	1.1	1.9	1.0	29.0
	NAB	24,912	80	12,100	12,200	11,300	0.0	-0.4	3.4	-7.3	5.3	1.0	19.9	0.9	29.1
Dịch vụ tài chính	TCX	91,890	15	27,600	32,292	27,500	-0.2	2.0	-13.2	-23.9	14.7	2.0	16.1	8.4	91.6
	VCK	67,204	25	27,600	28,600	27,600	-1.1	4.2	-1.4	-13.8	10.4	2.2	20.4	3.5	96.5
	SSI	58,142	70	19,450	20,650	19,300	1.0	2.4	-5.4	-6.6	11.5	1.4	13.9	29.9	70.1
	VPX	43,125	20	23,000	23,650	22,900	0.0	0.0	-0.9	-13.9	7.7	1.2	18.6	3.9	96.1
	HCM	32,061	55	23,750	25,250	23,700	-1.0	2.6	-4.6	-4.6	22.1	2.0	10.7	34.4	14.6
	VIX	30,488	100	11,850	13,150	11,800	0.9	1.7	-6.3	-11.4	5.7	0.9	15.7	5.6	94.4
	VCI	21,835	75	18,950	20,100	18,800	0.5	2.2	-1.6	-13.3	13.6	1.3	9.8	15.3	84.7
	VND	20,170	75	13,250	14,900	13,150	0.0	0.4	-8.6	-24.9	7.5	0.9	13.1	7.4	92.7
	DSE	8,843	35	20,650	22,150	20,650	-2.8	-5.1	-6.6	-9.2	32.2	1.6	5.0	10.1	89.9
	EVF	8,823	95	11,600	11,700	11,400	0.4	2.7	0.9	-8.3	9.4	0.8	9.4	0.3	49.7
	FTS	7,089	40	18,600	20,400	18,500	-0.5	5.1	-7.7	-25.7	16.8	1.6	9.7	24.7	75.3
	BSI	7,071	14	26,200	26,750	25,550	3.1	6.9	-0.2	-18.9	13.5	1.2	9.6	35.3	64.7
	CTS	5,744	25	21,100	21,750	20,600	3.2	7.7	-0.9	-22.4	15.2	2.0	14.0	0.4	48.6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 16/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	53,447	10	72,000	72,100	68,900	0.8	-5.5	1.4	19.0	16.1	2.1	13.4	27.1	21.9
Xây dựng cơ bản	GEE	42,273	14	66,000	68,000	62,000	0.8	-6.4	4.9	-19.6	11.9	5.2	48.0	0.8	49.2
	GEX	29,441	70	22,500	23,600	22,450	0.4	1.1	-2.0	-11.2	21.4	1.5	8.0	6.4	43.6
	REE	27,999	35	44,950	45,400	44,950	-0.1	0.0	-0.8	-2.0	10.6	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	19,436	12	43,350	44,250	39,550	-0.1	0.6	9.2	3.7	13.7	2.3	16.3	1.0	48.0
	BMP	11,501	45	140,500	146,900	140,500	-0.1	-1.1	-4.4	-7.2	9.0	4.0	45.4	82.3	17.7
	VCG	10,578	55	15,150	15,350	14,350	1.0	11.0	5.6	-12.7	2.8	0.9	39.3	1.9	47.1
	CTR	8,711	35	68,000	73,300	67,500	-0.1	-1.4	-6.5	-2.9	13.3	3.9	30.9	5.5	43.5
	CII	8,601	95	12,800	13,100	12,550	-1.2	7.1	0.8	-20.0	87.9	0.9	1.0	8.2	41.8
	PC1	7,650	60	18,600	20,300	18,450	0.0	-1.3	-7.0	-16.4	7.6	1.1	16.4	4.1	35.9
	CTD	6,978	55	62,400	63,000	57,400	-1.0	0.2	8.5	-5.7	8.9	0.7	8.5	46.6	3.4
	HHV	5,198	85	9,500	9,520	9,300	-0.2	8.6	1.6	-8.2	8.2	0.5	5.8	10.3	38.7
Nguyên vật liệu	HPG	176,459	60	20,900	21,250	20,700	0.7	4.0	-0.2	-5.9	7.8	1.3	17.4	21.7	27.3
	GVR	125,000	4	31,250	32,700	30,900	1.1	-4.9	-2.6	3.3	17.7	2.1	12.1	0.6	-0.6
	DCM	17,947	25	33,900	34,250	33,300	0.0	-2.7	1.5	4.6	7.8	1.6	21.3	6.4	42.6
	DPM	14,414	40	21,200	23,750	21,150	0.0	-3.2	-7.8	-10.7	8.4	1.3	13.8	3.3	46.8
	HSG	8,396	70	10,400	10,550	10,050	-0.5	5.1	3.5	-10.3	12.8	0.7	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,805	35	32,000	32,500	31,300	0.6	-2.7	0.8	-6.5	8.3	1.7	22.1	10.4	-10.4
	NKG	5,120	75	10,400	10,700	9,920	-1.0	11.9	4.2	-10.0	30.7	0.7	2.1	4.4	45.6
	HT1	4,713	25	12,350	12,650	11,750	-0.8	0.8	4.7	-3.1	12.2	0.9	7.7	2.3	-2.3
Vận tải	VJC	98,060	35	127,500	127,800	123,300	0.2	-1.2	2.5	-3.8	44.5	3.7	8.7	5.3	24.7
	GMD	34,546	95	54,000	54,300	50,533	1.9	-1.8	5.7	2.5	14.3	2.5	18.6	38.8	10.2
	VTP	9,478	40	46,700	50,600	46,450	0.4	-0.6	-5.8	-9.1	29.7	4.1	15.5	3.9	45.1
	VSC	4,867	95	13,000	13,350	12,950	0.8	-1.1	-0.4	-14.2	14.2	0.9	6.7	1.7	47.3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 16/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	109,054	75	73,900	73,900	70,300	1.5	-2.6	3.4	-3.7	11.0	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,213	55	141,000	141,900	128,000	0.0	-5.7	10.2	26.6	22.2	5.3	29.7	33.3	15.7
	DGW	9,940	55	44,500	46,200	44,100	-1.2	-5.8	-0.4	17.1	11.8	2.6	24.5	26.6	22.4
	PNJ	9,620	90	18,800	37,550	18,150	3.3	-3.6	-48.8	-54.0	4.0	0.7	17.8	29.0	20.0
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	183,037	20	140,000	145,000	138,500	0.1	-2.1	-3.4	1.6	25.9	9.7	39.4	11.1	88.9
	VNM	120,799	40	57,800	60,300	57,400	1.0	0.2	-3.0	2.8	12.2	3.8	31.1	49.7	50.3
	MSN	104,271	60	71,400	71,400	66,700	1.4	-3.8	5.9	5.0	15.4	2.7	19.5	24.3	75.7
	SAB	55,150	11	43,000	44,850	42,950	0.0	0.2	-2.5	-7.2	11.9	2.8	22.6	58.8	41.2
	SBT	21,169	60	22,650	23,300	22,600	0.0	-0.9	-1.5	7.6	28.8	1.8	6.6	23.8	76.2
	HAG	18,251	50	14,400	14,650	13,800	-0.7	-1.4	2.9	-1.4	5.4	1.2	26.0	1.7	47.3
	KDC	13,983	45	50,600	51,500	50,200	0.0	0.2	-1.2	1.8	26.0	2.4	9.1	13.1	36.9
	BAF	11,310	70	31,000	32,250	30,550	0.0	-0.5	-3.4	4.6	113.7	2.6	3.2	3.8	46.3
	VHC	10,598	40	50,600	50,900	50,200	-0.2	-3.4	0.6	-10.8	7.7	1.1	15.5	17.5	82.5
	DBC	6,767	70	15,700	16,050	15,650	0.3	1.0	-0.9	-11.5	5.9	0.8	14.3	1.2	47.8
	ANV	4,859	30	18,250	18,600	15,650	-1.1	-2.1	15.5	-0.5	5.6	1.3	24.3	20.3	28.8
	PAN	4,562	45	18,200	18,800	18,100	0.8	-3.2	-1.9	-14.4	3.8	0.8	21.8	2.3	46.7
Dầu khí	BSR	141,957	8	28,350	31,800	28,200	0.5	-8.7	-7.4	9.0	7.1	1.9	30.4	1.6	47.4
	PLX	45,350	10	35,050	39,500	34,950	-1.4	-6.2	-8.2	-2.4	14.5	1.7	9.1	14.5	5.5
	PVD	16,375	50	17,650	20,400	17,550	-0.3	-3.0	-10.4	-11.3	16.9	1.0	5.4	8.0	42.1
	PVT	12,225	50	23,650	24,050	22,750	0.0	-6.2	1.9	27.5	8.6	1.3	14.9	16.1	32.9
Tiện ích	GAS	183,625	5	76,100	93,000	75,500	-0.1	-5.7	-14.9	-1.7	14.4	2.7	18.4	2.1	46.9
	POW	37,428	20	12,200	12,750	12,100	0.0	-2.0	-3.6	-13.5	6.2	0.9	16.1	4.0	46.1
	BWE	10,557	25	42,000	42,100	41,400	1.2	3.1	0.0	-5.8	10.3	1.6	16.0	2.1	47.0
	NT2	6,708	30	23,300	23,600	20,450	0.0	2.0	13.7	9.4	5.5	1.3	26.5	9.6	39.4
CNTT	FPT	109,749	85	58,200	67,091	57,900	0.3	0.5	-13.3	-5.9	10.9	2.7	27.3	28.0	21.1
	CMG	4,600	40	19,750	23,100	19,500	2.6	-1.5	-13.4	-23.7	11.7	1.4	12.4	36.1	13.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 16/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.